

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2019/HNGĐ - ST  
Ngày: 29 - 10 - 2019  
V/v ly hôn; nuôi con chung; chia tài sản  
chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;
2. Ông Trương Thanh L.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lự.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:**

Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/ 2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc “ ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Giáp Thị L, sinh năm 1981 “có mặt”.

*Bị đơn:* Anh Tăng Văn L, sinh năm 1978 “có mặt”.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2019 và trong quá trình xét xử, tại phiên tòa nguyên đơn chị Giáp Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tăng Văn L kết hôn với nhau vào ngày 14/12/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay tại thôn Huê Vận 1, xã L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể kéo dài. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tăng Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Tăng Tuấn L, sinh ngày 14/10/2002; Tăng Huy L, sinh ngày 21/4/2006. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh L. Nguyên vọng sau ly hôn chị đồng ý để anh L nuôi dưỡng hai con chung.

Về tài sản riêng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Lc định trong quá trình chung sống chị và anh L có những tài sản chung như sau:

01 nhà cấp 4, xây vào năm 2012, nhà xây trên đất của bố mẹ anh L tại địa chỉ thôn L, xã L, tại đơn khởi kiện chị yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản này nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản nhà ở.

Diện tích đất 46m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thị Tứ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang, trên đất không có tài sản gì, đất đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ CH03472; QĐ số 672/QĐ-UBND ngày 19/3/2010, nguồn gốc là do vợ chồng nhận chuyển nhượng lại từ anh Tăng Văn Mạnh và chị Nguyễn Thị Huyền vào năm 2010. Nguyên vọng chị đề nghị Tòa án chia đôi tài sản này, chị nhận sử dụng diện tích đất vì hiện nay chị chưa có chỗ ở, chị đồng ý trích chia bằng tiền cho anh L theo kết quả định giá tài sản ngày 12/9/2019.

Về công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình xét xử, tại phiên tòa anh Tăng Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lc định lời trình bày trên của chị L về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh có xích mích với phía gia đình nhà chị L từ đó ảnh hưởng tới tình cảm vợ chồng, nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, chị L có nguyện vọng ly hôn, anh đồng ý.

*Về nuôi con chung:* anh Lc định vợ chồng có hai con chung như chị L trình bày là đúng, sau ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Anh Lc định về nguồn gốc diện tích đất 46m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thị Tứ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang và là tài sản chung của anh và chị L như lời trình bày của chị L là đúng. Tuy nhiên anh không đồng ý chia đôi tài sản này như yêu cầu của chị L, nguyện vọng anh đề nghị Tòa án chia cho anh hưởng 03 phần (gồm phần của cả hai con chung), chia cho chị L 1 phần. Anh đồng ý để chị L trực tiếp sử dụng diện tích đất này, chị L phải trích chia cho anh bằng tiền theo kết quả định giá tài sản ngày 12/9/2019, tức chị L phải trích chia cho anh 414.000.000 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu đồng).

*Tài sản riêng, Công nợ chung* anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2019 của cháu Tăng Tuấn L; Tăng Huy L nguyện vọng của hai cháu trong trường hợp bố, mẹ ly hôn đều có nguyện vọng ở với anh L.

Kết quả định giá tài sản ngày 12/9/2019 của Hội đồng định giá, diện tích đất 46m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thị Tứ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang có giá 12.000.000đ/1m<sup>2</sup>.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55; 81, 82, 83; Điều 28; 33; 46; 59; 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Giáp Thị L và anh Tăng Văn L; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận các đương sự: Giao anh L trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Giao chị Giáp Thị L sử dụng diện tích đất 46m<sup>2</sup> đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ CH03472; QĐ số 672/QĐ-UBND ngày 19/3/2010. Chị Giáp Thị L phải trích chia cho anh Tăng Văn L 276.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng) tiền chia tài sản chung.

Về chi phí tố tụng: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền* giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Giáp Thị L và anh Tăng Văn L cưới có đăng ký kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nên Lc định là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L và anh L đều Lc định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục và thuận tình ly hôn. Do vậy căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L, anh L.

[3] *Về nuôi con chung:* Các bên đương sự đều thống nhất được về việc nuôi con chung nên công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh L giao cháu Tăng Tuấn L; Tăng Huy L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không yêu cầu chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Chị L và anh L đều Lc định diện tích đất 46m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thị Tứ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ CH03472; QĐ số 672/QĐ-UBND ngày 19/3/2010 là tài sản chung, nguồn gốc đất là do vợ chồng nhận chuyển nhượng lại, các con của của chị L, anh L đều còn nhỏ không có công sức đóng góp gì đối với tài sản này. Do vậy

Lc định công sức đóng góp của chị L, anh L vào việc tạo lập, duy trì và phát triển tài sản chung là bằng nhau. Nay chị L, anh L không tự thỏa thuận phân chia được tài sản, do vậy căn cứ vào Điều 28; 33; 46; 59; 62 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chia chị L, anh L mỗi bên  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung (theo kết quả định giá, trị giá diện tích đất  $46m^2$  là 552.000.000đồng), nay chị L không có nơi ở nên giao cho chị L được trực tiếp sử dụng diện tích đất  $46m^2$  tại địa chỉ: Thị Tứ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng phải thanh toán cho anh L phần giá trị quyền sử dụng đất anh L được hưởng thành tiền 276.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng), nguyện vọng của anh L đề nghị Tòa chia cho anh hưởng 03 phần (phần của cả hai con chung) trị giá tài sản chung là không có căn cứ theo Luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

**[6] Về án phí:** Chị L phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L, anh L mỗi người phải chịu  $276.000.000đồng \times 5\% = 13.800.000đồng$  tiền án phí chia tài sản chung theo quy định tại Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**[7] Về chi phí tố tụng:** Chị L đã nộp tạm ứng và thanh toán đủ số tiền chi phí định giá, đo đạc và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[8] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lý trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 55; 81, 82, 83; Điều 28; 33; 46; 59; 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Giáp Thị L và anh Tăng Văn L.
2. Về con chung: Giao anh Tăng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tăng Tuấn L, sinh ngày 14/10/2002; Tăng Huy L, sinh ngày 21/4/2006. Sau khi ly hôn chị Giáp Thị L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Giao chị Giáp Thị L sử dụng diện tích đất  $46m^2$  đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ CH03472; QĐ số 672/QĐ-UBND ngày 19/3/2010, có các tứ cận: Phía Bắc Giáp đất ông Tăng Văn Vững; phía Nam Giáp đất ông Ngô Đức Thuyết; phía Đông giáp UBND xã L; Phía Tây giáp QL37 (có trích lục thửa đất kèm theo). Chị Giáp Thị L phải trích chia cho anh Tăng Văn L 276.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng) tiền chia tài sản chung.
4. Về án phí: Chị Giáp Thị L phải chịu 14.100.000đ (Mười bốn triệu một trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 8.000.000đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/004002 ngày 13/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị Giáp Thị L còn phải nộp thêm 6.100.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Tăng Văn L phải chịu 13.800.000đ (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh**

**Lê Ngọc Giới    Đỗ Thị Hoài Mơ**

**Nguyễn Thị Linh**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Cương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh**

**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Giới    Nguyễn Thị Hoan**

**Nguyễn Thị Linh**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Cương Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh**

*Nơi nhận:*

**THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Cẩm Lý;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh**



**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

**THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Linh**